TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/DS-PT
Ngày: 27-9-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa và ông Dương Viết Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Thuý - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà : Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLPT- DS ngày 12/7/2023 về tranh chấp về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, tài sản chung", do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/HNGĐ - ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Tuyên Hóa bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2797/2023/QĐ-PT ngày 14/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Nam S, xã Mai H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình; có mặt

2. Bị đơn: Ông Hoàng Thanh X, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn T, xã Mai H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình; có mặt

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Hoàng Sỹ B - Luật sư Công ty Luật TNHH Tư pháp Sài G; địa chỉ: số 238/5 tầng 2 Nguyễn Thị Minh K, phường Võ Thị S, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Cao Sao L, sinh năm 1964; địa chỉ: 69/10 Phan Chu Trinh, phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn bà Cao Thị H trình bày: Bà và ông Hoàng Thanh X kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có ai ép buộc. Đăng ký kết hôn vào tháng 11 năm 2011 tại Uỷ ban nhân dân xã Mai Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ cH chung sống với nhau tại nhà riêng ở thôn Tân Hoá, xã Mai

Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình. Trong thời gian chung sống tình cảm vợ cH hạnh phúc và kéo dài 11 năm từ năm 2011 đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ cH bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, giữa vợ cH luôn xung đột lẫn nhau trong cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ cH ngày càng phai nhạt nên vợ cH đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Hiện tại tình cảm vợ không còn nữa, nên bà H có nguyện vọng xin được ly hôn ông X.

Về con chung của vợ cH: Vợ cH có 02 con chung,con đầu là Hoàng Ngọc Lin Đ, sinh ngày 30/11/2012, con thứ hai là Hoàng Cao Khánh L1, sinh ngày 30/5/2016 hiện cả hai con đang ở với bà H, nguyện vọng của bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con và có yêu cầu ông X phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Về tài sản và công nợ chung của vợ cH tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải trong quá trình tố tụng và tại phiên toà ông Hoàng Thanh X trình bày:* Về quan hệ hôn nhân và con chung ông X thừa nhận như như bà H đã trình bày, hiện tại mâu thuẫn vợ cH đã xảy ra được 02 trở lại đây, thường xuyên cãi vã nên ông đồng ý ly hôn. Sau khi ly hôn ông X có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung thì vợ cH có khối tài sản chung gồm 02 quyền sử dụng đất:

1. Quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 10, địa chỉ Thôn Tân Hoá, xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình, diện tích 137m^2 có nguồn gốc là của bố mẹ ông X cho lúc vợ cH kết hôn. Nay ông X có yêu cầu trả lại cho bố mẹ ông thửa đất này.

2. Ngoài ra đối với quyền sử dụng đất và giá trị đầu tư dự án Khu dịch vụ thương mại tổng hợp X H. Quy mô đầu tư gồm siêu thị tổng hợp, khu cà phê ẩm thực, giải trí. Diện tích đầu tư sử dụng đất là 2.500m^2, địa chỉ: Xã Tiến Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình. Giá trị dự án tính theo thời điểm hiện tại là 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng). Ông X có yêu cầu chia đôi giá trị Khu dịch vụ Thương mại tổng hợp X H. Nếu bà H muốn sử dụng toàn bộ giá trị đầu tư Khu dịch vụ thương mại này thì phải thanh toán cho ông X một nửa giá trị là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng). Còn nếu ông X được sử dụng Khu dịch vụ Thương mại tổng hợp X H thì ông X sẽ hoàn trả cho bà H một nửa giá trị tương ứng số tiền là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).

- *Ngày 19/10/2022 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tuyên Hoá có công văn với nội dung:* Khu dịch vụ thương mại tổng hợp X H của bà Cao Thị H được UBND tỉnh Quảng Bình chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 22/3/2019. UBND huyện Tuyên Hoá phê duyệt quy hoạch chi tiết tại quyết định số 1437/QĐ-UBND huyện ngày 27/6/2019. Hồ sơ chỉnh lý địa chính của khu đất được Công ty TNHH dịch vụ thương mại Phú Quý lập ngày 29/7/2019. Ngày 26/12/2019 UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 5036/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dịch vụ Thương mại tổng hợp X H tại xã Tiến

Hoá, huyện Tuyên Hoá để thực hiện thủ tục thuê đất theo qui định. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu để UBND huyện cho thuê đất trên cơ sở các hồ sơ của chủ dự án đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp này, hồ sơ phê duyệt chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với dự án Khu dịch vụ Thương mại tổng hợp X H, trong nội dung của Quyết định chỉ ghi thông tin của nhà đầu tư là bà Cao Thị H là nhà đầu tư duy nhất của dự án, ngoài ra không có tên của cá nhân nào khác cùng tham gia thực hiện dự án. Đồng thời dự án được quy hoạch trên đất thuộc UBND xã Tiến Hoá sử dụng (không thuộc trường hợp nhận chuyển nhượng về quyền sử dụng đất).Trên đất có tài sản của các hộ gia đình, cá nhân nên thuộc trường hợp UBND tỉnh thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu Dịch vụ thương mại tổng hợp X H. Tất cả các hồ sơ của UBND tỉnh phê duyệt thông tin đều ghi tên duy nhất bà Cao Thị H, không có cá nhân nào khác. Căn cứ các văn bản đã được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt về việc thực hiện dự án Khu dịch vụ Thương mại tổng hợp X H và nhu cầu xin thuê đất của nhà đầu tư là bà Cao Thị H. Ngày 27/02/2020 UBND huyện Tuyên Hoá đã ban hành Quyết định số 301/QĐ-UBND về việc cho bà Cao Thị H thuê đất để thực hiện dự án Khu dịch vụ Thương mại tổng hợp X H tại xã Tiến Hoá thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 17, diện tích 2761m^2, hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm. Từ khi bà H được thuê đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tuyên Hoá, UBND huyện Tuyên Hoá không nhận được đơn thư khiếu nại hoặc kiến nghị của tổ chức, cá nhân nào liên quan đến việc cho bà H thuê đất để thực hiện dự án khu Dịch vụ thương mại tổng hợp X H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Cao Sao L (là bố đẻ bà H) trình bày:* Ngày 10/01/2021 ông Lực ký hợp đồng Hợp tác đầu tư dự án Khu dịch vụ thương mại tổng hợp X H với bà Cao Thị H (là con gái ruột của ông Cao Sao L), tổng số vốn ông đầu tư cho bà H = 80% dự án, tương đương với 4.400.000.000 đồng (bốn tỷ bốn trăm triệu đồng). Bà Cao Thị H góp 1.100.000.000đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) = 20% (góp vốn bằng giá trị đất dự án). Tổng mức đầu tư dự án là 5.000.000.000đồng (năm tỷ đồng). Gồm các hạng mục: Khu Cà phê, ẩm thực, giải trí và mua nhà gỗ, lợp ngói, đầu tư nhà ăn, đầu tư móng nhà gỗ ..v.v.. Do điều kiện hiện nay ông Lực đang sinh sống và làm ăn tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên mọi hoạt động của dự án ông giao lại cho con gái là Cao Thị H đứng chủ, thực hiện dự án và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời quản lý, sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản là đất thuê của Nhà nước và tài sản hiện có trên đất. Việc tranh chấp giữa vợ cH ông X, bà H thì ông không liên quan và không có ý kiến gì, ông chỉ đầu tư theo Hợp đồng đã ký với con gái là Cao Thị H nên mọi thủ tục pháp lý dự án ông giao lại cho bà H thực hiện với các cơ quan chức năng. Giữa ông và bà H không có tranh chấp và không có yêu cầu chia giá trị Khu dịch vụ thương mại tổng hợp X H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Cao Thị H là hợp pháp, thời hạn thuê đất là 50 năm (từ năm 2020 đến năm 2070) và trả tiền thuê đất của Nhà nước hàng năm, bà H là người trực tiếp thuê đất và trả tiền thuê đất nên đây không phải là tài sản chung của ông X và

bà H. Ông Cao Sao L có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, do điều kiện ở quá xa, việc đi lại khó khăn và bận công việc nên ông xin được vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Toà án và hoàn toàn nhất trí như ý kiến của bà H đã trình bày, không có ý kiến gì thêm.

- Ngày 16/3/2023 Hội đồng thẩm định và định giá tài sản đã trực tiếp đến tại xã Tiến Hoá và tiến hành thẩm định tại chỗ thửa đất số 363, tờ bản đồ số 17, diện tích 2761m^2, đứng tên bà Cao Thị H là dự án khu Dịch vụ thương mại tổng hợp X H. Sau khi thẩm định tại chỗ có kết quả, cụ thể:

Thửa đất có tổng diện tích: 2761,0m^2 (loại đất thương mại dịch vụ); các tài sản trên đất gồm có:

+ 01 ngôi nhà gỗ, diện tích 193.4m^2 có giá trị 659.494.000 đồng (sáu trăm năm mươi chín triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn đồng).

+ 01 ngôi nhà xây (chưa hoàn thiện), diện tích 125,8m^2 có giá trị 331.105.600đồng (ba trăm ba mươi mốt triệu một trăm linh năm nghìn sáu trăm đồng).

+ 01 cây đào có giá trị 106.000đồng (một trăm linh sáu nghìn đồng).

+ 01 cây hoa sữa có giá trị 1.234.000đồng (một triệu hai trăm ba mươi tư nghìn đồng).

+ Đất đổ san lấp mặt bằng 9663,5m^3 có giá trị 289.905.000đ (hai trăm tám mươi chín triệu chín trăm linh năm ngàn đồng chẵn).

+ Giá trị thửa đất số 363, tờ bản đồ số 17, diện tích 2761,0m^2, thửa đất thuộc khu vực 1(khu vực đặc biệt xã Tiến Hoá), chiều sâu của thửa đất > 50m, thửa đất gồm 02 vị trí để xác định giá trị đất:

+ Tổng giá trị khu đất dự án là 1.511.124.000đồng; trong đó vị trí 1: Diện tích 2505m^2 có giá trị 1.412.820.000đồng (một tỷ bốn trăm mười hai triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng); Vị trí 2 diện tích 256m^2, có giá trị 98.304.000đồng (chín mươi tám triệu ba trăm linh tư nghìn đồng).

- Tại Bản án sơ thẩm số 17/2023/HNGĐ-ST ngày 30/5/2023, Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Cao Thị H và ông Hoàng Thanh X.

+ Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Giao cho bà Cao Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng Ngọc Khánh Linh, sinh ngày 30/5/2016. Giao cho ông Hoàng Thanh X trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Ngọc Lin Đ, sinh ngày 30/11/2012. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Không ai được ngăn cản việc đi lại, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con, một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Về tài sản chung: Áp dụng Điều 43, Điều 44, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Giao cho bà Cao Thị H được sở hữu toàn bộ phần đất san lấp mặt bằng khối lượng 9663,5m^3 trên tổng diện tích đất thuê là 2761,0m^2, có giá trị là 289.905.000đ

(hai trăm tám mươi chín triệu chín trăm linh năm nghìn đồng). Bà Cao Thị H có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Hoàng Thanh X một nửa giá trị san lấp mặt bằng số tiền 144.952.500đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Giao cho bà Cao Thị H được sử dụng, quản lý quyền sử dụng đất tại thửa đất số 363, tờ bản đồ số 17, diện tích 2761,0m^2 đất dự án Khu dịch vụ Thương mại tổng hợp X H tại thôn Thanh Trúc, xã Tiến Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình. Tổng giá trị khu đất là 1.511.124.000 đồng (một tỷ năm trăm mười một triệu một trăm hai tư nghìn đồng). Bà H được sở hữu các tài sản khác trên đất. Gồm có :

- 01 ngôi nhà gỗ, diện tích 193.4m^2 có giá trị: 193,4m^2 x 3.410.000đ = 659.494.000đồng (sáu trăm năm mươi chín triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn đồng).

- 01 ngôi nhà xây (chưa hoàn thiện), diện tích 125,8m^2 có giá trị: 125,8m^2 x 5.264.000đồng x 50% = 331.105.600 đồng (ba trăm ba mươi mốt triệu một trăm linh năm nghìn sáu trăm đồng).

- 01 cây đào có giá trị: 106.000 đồng (một trăm linh sáu nghìn đồng).

- 01 cây hoa sữa có giá trị: 1.234.000 đồng (một triệu hai trăm ba mươi tư nghìn đồng).

+ Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của bà Cao Thị H về việc giao tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 353, tờ bản đồ số 10. Địa chỉ: Xã Mai Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình cho ông Hoàng Thanh X sử dụng và quản lý.

+ Ông Hoàng Thanh X được nhận ở bà Cao Thị H số tiền là 144.952.500 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng). Tức là 50% giá trị đất san lấp mặt bằng thực hiện dự án.

+ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hoàng Thanh X về việc yêu cầu chia đôi tài sản chung đối với thửa đất số 363, tờ bản đồ số 17 diện tích 2761,0m2 đất dự án Khu dịch vụThương mại tổng hợp X H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định vấn đề án phí , tiền tạm ứng án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/6/2023, bị đơn ông Hoàng Thanh X có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 17/2023 HNGĐ-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về yêu cầu phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là quyền sử dụng đất và giá trị đầu tư dự án: Khu dịch vụ thương mại tổng hợp X H thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 17 có diện tích 2.761 m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/4/2020 là tài sản chung của vợ cH trong thời kỳ hôn nhân có giá trị 7.000.000.000 đồng và phân chia cho ông được hưởng ½ giá trị tài sản tương đương 3.500.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Hoàng Thanh X giữ nguyên nội dung kháng cáo và rút yêu cầu đề nghị thẩm định giá tài sản đối với khối lượng đất san lấp khoảng 1000m^3 thuộc phần đất giao thông mà hiện nay bà H đang sử dụng. Ngoài ra, ông X còn cung cấp 05 GCNQSDĐ do hai vợ cH mua từ năm 2017 và bán vào khoảng năm 2018; tổng

giá trị tài sản của 05 thửa đất này theo ông X có tổng giá trị 2.500.000.000 đồng và bà H đã đem vào đầu tư vào khu dự án.

- Bà H cung cấp 01 giấy xác nhận tình trạng vợ cH số ly thân nhau từ năm 2019; một thư xác nhận số dư tài khoản của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Tuyên Hóa, trong đó có số dư 3.800.000.000 đồng của khách hàng bà Hoàng Thị Chiến (mẹ đẻ bà H) và 01 bản sao kê chứng minh các khoản vay nợ của vợ cH trong thời gian năm 2017-2018; các khoản vay mua xe ô tô và các khoản nợ phát sinh trong thời gian vợ cH chưa sống ly thân nhau.

- Các bên đương sự đều khai nhận, hiện tại các đương sự không còn khoản nợ chung nào.

- Ông Cao Sao L giữ nguyên ý kiến yêu cầu đã trình bày tại cấp sơ thẩm và ông không tranh chấp gì với bà H về số tài sản ông đã đầu tư trên khu đất dự án.

- *Ý kiến phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự

- Về nội dung: Tại phiên tòa ông X cung cấp 05 GCNQSDĐ có giá trị khoảng 2.500.000.000 đồng do vợ cH mua trong khoảng thời gian từ năm 2017; bán vào năm 2018. Sau khi bán các thửa đất này vợ cH đã đầu tư vào khu dự án. Tuy nhiên, ông X không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh các thửa đất trên được bán với giá như ông X đưa ra; đồng thời bà H đã xuất trình các bản kê vay nợ của vợ cH tại ngân hàng đã chứng minh được việc mua, bán các thửa đất trên có nguồn gốc từ vốn vay ngân hàng và các hợp đồng vay tiền mua xe ô tô còn lớn hơn số tiền đã mua, bán các thửa đất. Ngoài ra, bà H đã cung cấp một bản vay vốn của bà Chiến (mẹ bà H) với số tiền 3.800.000.000 và các tài liệu chứng cứ chứng minh các tài sản được đầu tư trên khu đất dự án có nguồn gốc do ông Cao Sao L bỏ vốn đầu tư và trực tiếp thuê nhân công, đơn vị xây dựng các công trình trên đất. Với các chứng cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông X; giữ nguyên án sơ thẩm và buộc ông X phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Do không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm số: 17/2023/HNGĐ - ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, bị đơn ông Hoàng Thanh X đã làm đơn kháng cáo về phần phân chia tài sản chung. Đơn kháng cáo làm trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Thanh X yêu cầu được phân chia ½ tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là quyền sử dụng đất và giá trị đầu tư trên đất tại dự án Khu dịch vụ thương mại tổng hợp X H tại thửa đất số 363, tờ bản đồ số 17, diện tích là 2.761 m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 668351, số vào sổ cấp GCN: CH 03610 cấp ngày 28/4/2020 mang tên bà Cao Thị H thấy rằng:

Tại Công văn số 332/TNMT ngày 19/10/2022 của Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình đã xác định nội dung: Bà Cao Thị H là người thuê thửa đất số 363, tờ bản đồ số 17, diện tích 2761m^2, hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm *(sau đây gọi là thửa đất 363)*. Do đó việc thuê đất của bà H không thuộc trường hợp nhận chuyển nhượng về quyền sử dụng đất mà chỉ có quyền đối với tài sản trên đất. Hồ sơ phê duyệt chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với dự án Khu dịch vụ thương mại tổng hợp X H trong nội dung của Quyết định ghi các thông tin của nhà đầu tư Cao Thị H là nhà đầu tư duy nhất của Dự án, ngoài ra không có tên của cá nhân khác cùng tham gia thực hiện dự án. Ngoài ra, đối với toàn bộ diện tích đất thuê nêu trên thì hiện nay bà H được miễn tiền thuê đất trong thời hạn 11 năm (từ tháng 3/2020-tháng 02/2031) theo quyết định số: 20/QĐ-CCT ngày 28/4/2020 của Chi cục Thuế huyện Tuyên Hóa.

[3] Căn cứ vào các thông tin về thửa đất 363 nêu trên thì theo quy định tại Điều 175 của Luật Đất đai, bà H không có quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất này cho người khác; đồng thời tính đến thời điểm các bên tranh chấp thửa đất 363 đang trong thời gian được miễn thuế. Do đó, giá trị thửa đất 363 không đủ điều kiện để xác định là tài sản chung của các đương sự tạo lập trong thời kỳ hôn nhân để phân chia theo quy định tại Điều 40 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Đối với các tài sản được tạo lập trên thửa đất 363, thì trong quá trình giải quyết vụ án ông X không có bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh vợ cH đã có công sức đóng góp vào việc thực hiện dự án, ngoại trừ giá trị khối lượng đổ đất san lấp mặt bằng mà các bên đều thừa nhận và đã được cấp sơ thẩm phân chia. Mặt khác, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông X đều thừa nhận tình cảm vợ cH mâu thuẫn trầm trọng nên sống ly thân nhau từ năm 2019; trong khi đó quyết định cho thuê đất và các tài sản trên thửa đất đều được tạo lập trong khoảng thời gian sau năm 2019. Do đó, lời khai của ông Cao Sao L và các tài liệu chứng cứ kèm theo để chứng minh toàn bộ tài sản đã đầu tư trên thửa đất 363 là do vốn góp của ông đã đầu tư vào dự án mang tên bà H là có cơ sở và phù hợp với hoàn cảnh kinh tế, thu nhập của ông X, bà H.

[5] Từ những căn cứ trên thấy rằng, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông X về việc phân chia giá trị thửa đất 363 và các tài sản đã đầu tư trên thửa đất là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đồng thời cấp sơ thẩm giao toàn bộ thửa đất 363 và các tài sản trên thửa đất cho bà H tiếp tục quản lý, sử dụng để thực hiện dự án là hoàn toàn phù hợp với nhu cầu sử dụng của các bên, cũng như đảm bảo phần vốn góp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Tại cấp phúc thẩm, ông X cung cấp thêm 05 GCNQSDĐ mang tên hai vợ cH vào năm 2017 và cho rằng các thửa đất này đã được bán vào khoảng năm 2018 có giá trị 2.500.000.000 đồng, sau đó vợ cH đã đầu tư toàn bộ số tiền này vào Khu dự án X H. Tuy nhiên, ông X không có bất cừ tài liệu gì để chứng minh 05 thửa đất này đã được bán với giá 2.500.000.000 và toàn bộ số tiền này đã được đầu tư vào khu dự án vào năm 2019. Đối với 05 thửa đất do ông X đưa ra, bà H đã cung cấp các bản sao kê vay vốn ngân hàng thể hiện toàn bộ số tiền để mua các thửa đất trên đều do vốn vay từ

ngân hàng, sau khi bán các thửa đất trên đã sử dụng toàn bộ số tiền để trả vốn vay mua đất và trả tiền vay mua xe ô tô cũng như chi tiêu trong gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở xem xét kháng cáo của ông X và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hoàng Thanh X phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 175 Luật đất đai 2013; Điều 43, Điều 44, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Thanh X, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 17/2023/HNGĐ-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình

2. Về án phí: Ông Hoàng Thanh X phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai số 31AA/2021/0000220 ngày 15/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Xác nhận ông X đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- TAND huyện Tuyên Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Trung Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**